|  |  |
| --- | --- |
| *Ngày 28 tháng 10 năm 2024* | *Họ và tên giáo viên:* ***Nguyễn Lê Thảo Nguyên***  *Tổ chuyên môn: Ngữ Văn- Lịch sử và Địa lí - GDCD* |

**TÊN BÀI DẠY:**

# **CHƯƠNG 3: SỰ PHÂN HÓA LÃNH THỔ**

**BÀI 11: VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ**

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử và Địa lí ; lớp: 9

Thời gian thực hiện: 3 tiết ( tiết 34,35,39)

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức:**

*Sau bài học này, HS sẽ:*

* Xác định được trên bản đồ vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.
* Trình bày được đặc điểm phân hoá thiên nhiên giữa Đông Bắc và Tây Bắc; thế mạnh để phát triển công nghiệp, lâm – nông - thuỷ sản, du lịch.
* Nhận xét dược đặc điểm nổi bật về thành phần dân tộc, phân bố dân cư và chất lượng cuộc sống dân cư.
* Trình bày được sự phát triển và phân bố một trong các ngành kinh tế của vùng.
* Vẽ được sơ đồ tư duy thể hiện các thế mạnh về tự nhiên để phát triển kinh tế – xã hội của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

1. **Về năng lực:**

***Năng lực chung:***

* *Giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với GV và các bạn khác trong lớp.
* *Tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
* *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

***Năng lực riêng:***

* *Năng lực tìm hiểu địa lí:* Khai thác thông tin, bảng 11.1 – 11.5, hình 11.1 – 11.2 từ tr. 151 - 156 SGK và các tài liệu khác có liên quan đến bài học để trình bày đặc điểm phân hóa thiên nhiên giữa Đông Bắc và Tây Bắc, thế mạnh phát triển kinh tế và đặc điểm nổi bật về dân cư ở Trung du và muền núi Bắc Bộ.
* *Năng lực nhận thức và tư duy địa lí:* Khai thác thông tin, hình 11.1 – 11.2 SGK nhận thức thế giới theo quan điểm không gian để xác định được vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng, giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

1. **Về phẩm chất:**

* *Chăm chỉ:* Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động học tập.
* *Trách nhiệm:* Có ý thức và hành động trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
* *Yêu nước:* Tôn trọng những giá trị nhân văn khác nhau giữa các vùng.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Đối với giáo viên**

* SGK, SGV, SBT *Lịch sử và Địa lí 9* *– Kết nối tri thức (phần Địa lí).*
* Bảng số liệu, tranh ảnh, thông tin, tư liệu do GV sưu tầm về nội dung bài học *Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ*
* Phiếu học tập.
* Máy tính, máy chiếu (nếu có)

**2. Đối với học sinh**

* SGK, SBT *Lịch sử và Địa lí 9* *– Kết nối tri thức (phần Địa lí).*
* Sưu tầm trên sách, báo, internet thông tin, tư liệu về nội dung bài học *Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.*

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập/Mở đầu** *[5 phút]*

**a. Mục tiêu:**

- Cung cấp thông tin, tạo kết nối giữa kiến thức của HS với nội dung bài học.

- Tạo hứng thú, kích thích tò mò của HS.

**b. Nội dung:** GV tổ chức cho HS chơi trò chơi *Nhìn hình đoán địa danh*. HS quan sát hình ảnh và trả lời.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về địa danh xuất hiện trong hình ảnh của trò chơi và chuẩn kiến thức của GV.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi *Nhìn hình đoán địa danh.*

- GV mời HS theo tinh thần xung phong tham gia trò chơi.

- GV phổ biến luật chơi cho HS:

*+ HS quan sát hình ảnh về một số tỉnh/thành phố thuộc vùng Trung du miền núi Bắc Bộ, sau đó đoán tên tỉnh thông qua những hình ảnh đặc trưng của địa phương.*

*+ HS trả lời nhanh nhất và đoán đúng qua hình ảnh sẽ được điểm cộng.*

- GV trình chiếu hình ảnh:

|  |  |
| --- | --- |
| Một thoáng Hà Giang | Phát triển du lịch Việt Nam: Sa Pa và một thập kỷ 'thoát xác' |
| *Hình 1:.....................* | *Hình 2:.....................* |
| Review đồi chè Thái Nguyên tất tần tật từ A - Z cho du khách | Thủy điện Hòa Bình sản xuất đạt mốc 270 tỷ kWh |
| *Hình 3:.....................* | *Hình 4:.....................* |

**Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS quan sát hình ảnh và đoán địa danh.

- Các HS còn lại trong lớp cổ vũ bạn.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận**

- GV mời HS xung phong trả lời.

- Nếu trả lời sai, GV tiếp tục mời HS còn lại đưa ra đáp án.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án:

|  |
| --- |
| *+ Hình 1: Hà Giang* |
| *+ Hình 2: Sa Pa* |
| *+ Hình 3: Thái Nguyên* |
| *+ Hình 4: Hòa Bình*  *=> Đây là những tỉnh thành thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.* |

- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ (Trung du và miền núi phía Bắc) là vùng lãnh thổ rộng lớn phía bắc nước ta, có nhiều thế mạnh về vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên để phát triển các ngành kinh tế. Điều kiện tự nhiên có ảnh hưởng như thế nào đến phát triển kinh tế – xã hội của vùng? Các ngành kinh tế trong vùng phát triển và phân bố ra sao? Chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay –* ***Bài 11: Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.***

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực thi nhiệm vụ (115 phút)**

**Hoạt động 1: Vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ**  *[15 phút]*

**a. Mục tiêu:** Xác định được trên bản đồ vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ của vùng.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS cả lớp làm việc cá nhân, khai thác Hình 11.1, mục 1 SGK tr.150 với kiến thức tìm hiểu của học sinh trả lời câu hỏi: *Xác định trên bản đồ vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.*

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ.

**1. Vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ**

- Diện tích: 95 nghìn km2, chiếm 28,7 % diện tích cả nước (2021)

- Vùng gồm 14 tỉnh: Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Bắc Giang, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Phú Thọ, Yên Bái, Hòa Bình.

- Tiếp giáp với Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung; nước Trung Quốc và Lào.

- Thuận lợi giao thương quốc tế, kết nối với cảng biển.

- Ý nghĩa quan trọng đối với đảm bảo an ninh quốc phòng.

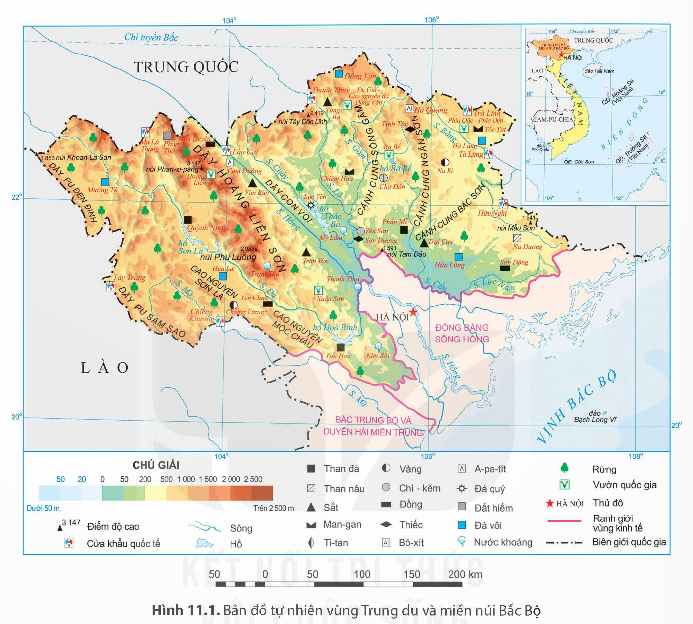
**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**-** GV cho HS xem video và dẫn dắt: *Trung du và miền núi Bắc Bộ - được biết đến với sự hòa quyện giữa thiên nhiên hùng vĩ cùng nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc. Những dãy núi non vươn chạm mây, những cánh rừng xanh bát ngạt và những thửa ruộng bậc thang rợp bóng mây.*

*<https://www.youtube.com/watch?v=FaSv8kaya-o>*

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, khai thác hình 11. 1, thông tin mục 1 SGK tr.150 và trả lời câu hỏi: *Xác định phạm vi lãnh thổ của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.*

****

**-** GV trình chiếu cho HS xem một số video liên quan đến Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ:

*<https://youtu.be/ho7gvARxX7g?si=5wJWeu4F3HjtTm6R>*

*<https://youtu.be/3Vjp8dzCTv0?si=tpSyPNBRmfc415vG>*

**Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thực hiện nhiệm vụ yêu cầu của GV.

- GV quan sát, hướng dẫn HS trong quá trình hoàn thành nội dung (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận**

- GV gọi ngẫu nhiên HS trả lời câu hỏi.

- GV yêu cầu HS khác nhận xét và bổ sung ý kiến (nếu có).

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, kết luận về *Vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ:* ***Trung du và miền núi Bắc Bộ có điều kiện giao lưu kinh tế - xã hội với Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, đồng thời với các tỉnh phía Nam Trung Quốc và Thượng Lào.***

- GV chuyển sang nội dung mới.

**Hoạt động 2: Đặc điểm điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên (30 phút)**

**a. Mục tiêu:**

**-** Trình bày được đặc điểm phân hóa thiên nhiên giữa Đông Bắc và Tây Bắc.

- Trình bày được các thế mạnh để phát triển công nghiệp, lâm – nông – thủy sản, du lịch.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm nhỏ (3 – 6HS/nhóm) khai thác Hình 11.1, thông tin mục 2 SGK tr.151 – tr.152 và hoàn thành *Phiếu học tập số 1 và 2.*

**c. Sản phẩm:** *Phiếu học tập số 1 và 2* của HS về đặc điểm điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng trung du và miền núi Bắc Bộ.

**2. Đặc điểm điều kiện và tài nguyên thiên nhiên.**

***a. Phân hóa thiên nhiên giữa Đông Bắc và Tây Bắc ( Phiếu học tập số 1)***

**PHÂN HOÁ THIÊN NHIÊN ĐÔNG BẮC**

**VÀ TÂY BẮC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Đông Bắc** | **Tây Bắc** |
| Địa hình | Núi trung bình và thấp, trung du có đồi bát úp, có địa hình các – xtơ phổ biến | Núi cao, địa hình chia cắt và hiểm trở, xen kẽ là các cao nguyên. |
| Khí hậu | Có mùa đông lạnh nhất nước ta | Có mùa đông lạnh, có sự phân hóa theo độ cao rõ rệt, đầu mùa hạ chịu ảnh hưởng mạnh của gió Tây khô nóng. |
| Thủy văn | Sông ngòi dày đặc, có giá trị về giao thông và thủy lợi. | Sông ngòi có độ dốc lớn, lưu nước dồi dào, có tiềm năng về thủy điện. |
| Khoáng sản | Phong phú chủng loại. | Ít chủng loại hơn nhưng trữ lượng lớn như đất hiếm, đồng… |
| Sinh vật | Phong phú gồm sinh vật nhiệt đới và cận nhiệt đới | Sinh vật nhiệt đới, cận nhiệt đới và ôn đới núi cao |

***b. Thế mạnh để phát triển kinh tế ( Phiếu học tập số 2)***

**THẾ MẠNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, NÔNG NGHIỆP, THỦY SẢN VÀ DU LỊCH**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đặc điểm tự nhiên** | | **Thế mạnh** |
| **Địa hình** | Địa hình chủ yếu là đồi núi | Thuận lợi cho phát triển lâm nghiệp |
| Địa hình cao nguyên xen các đồi núi thấp với đất feralit | Thuận lợi phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây ăn quả và chăn nuôi đại gia súc. |
| Địa hình bằng phẳng có đất phù sa và có khả năng tưới. | Thuận lợi trồng lúa. |
| Địa hình các - xtơ | Phát triển du lịch |
| **Khí hậu** | Có mùa đông lạnh, phân hóa theo độ cao | - Phát triển cây công nghiệp cận nhiệt và ôn đới.  - Phát triển du lịch. |
| **Nguồn nước** | Sông ngòi dày đặc trên địa hình chia cắt. | Trữ năng thủy điện lớn có thể phát triển thủy điện |
| Nhiều hồ tự nhiên và nhân tạo. | - Phát triển nuôi trồng, đánh bắt thủy sản.  - Phát triển du lịch. |
| Nước khoáng phong phú | Phát triển du lịch |
| **Khoáng sản** | Đa dạng, một số loại có trữ lượng đáng kể | Cơ sở phát triển công nghiệp khai khoáng, chế biến khoáng sản và nhiều ngành công nghiệp khác. |
| **Sinh vật** | Tài nguyên rừng dồi dào | Phát triển lâm nghiệp, công nghiệp khai thác và chế biến lâm sản. |
| Nhiều vườn quốc gia, khu bảo tồn | Phát triển du lịch |

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV trình chiếu hình ảnh và dẫn dắt: *Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có thiên nhiên phân hóa đa dạng và khác biệt giữa Đông Bắc và Tây Bắc.*

|  |  |
| --- | --- |
| Du lịch Đông Bắc - Trường Cao Đẳng Múa Việt Nam | Khám phá vẻ đẹp tự nhiên của núi rừng Tây Bắc |

- GV chia HS cả lớp thành các nhóm nhỏ (3 – 6 HS/ nhóm) và giao nhiệm vụ cụ thể:

|  |
| --- |
|  |
| *+ Nhóm lẻ: Khai thác Hình 11.1, thông tin mục 2a SGK tr. 151 và hoàn thành Phiếu học tập số 1.* |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **PHÂN HOÁ THIÊN NHIÊN ĐÔNG BẮC**  **VÀ TÂY BẮC**  *Nhóm:….*   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Đông Bắc** | **Tây Bắc** | | Địa hình |  |  | | Khí hậu |  |  | | Thủy văn |  |  | | Khoáng sản |  |  | | Sinh vật |  |  | |

*+ Nhóm chẵn: Khai thác Hình 11.1, thông tin mục 2b SGK tr.151 – tr.152 và hoàn thành Phiếu học tập số 2.*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **THẾ MẠNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, NÔNG NGHIỆP, THỦY SẢN VÀ DU LỊCH**  *Nhóm:…*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Đặc điểm tự nhiên** | | **Thế mạnh** | | Địa hình |  |  | | Khí hậu |  |  | | Nguồn nước |  |  | | Khoáng sản |  |  | | Sinh vật |  |  | |

- GV mở rộng kiến thức, đặt câu hỏi cho HS: *Tại sao nói việc phát huy các thế mạnh của trung du và miền núi Bắc Bộ có ý nghĩa kinh tế lớn và ý nghĩa chính trị, xã hội sâu sắc.*

**Trả lời câu hỏi mở rộng: *Việc phát huy các thế mạnh của trung du và miền núi Bắc Bộ có ý nghĩa kinh tế lớn và ý nghĩa chính trị, xã hội sâu sắc vì:***

*- Về kinh tế:*

+ Trung du và miền núi Bắc Bộ có nhiều điện kiện thuận lợi để phát triển kinh tế nhưng chỉ khai thác được một phần.

+ Phát huy thế mạnh có vùng sẽ góp phần khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên để phát triển kinh tế, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao vị thế của vùng trong nền kinh tế cả nước.

*- Về chính trị:*

+ Là nơi cư trú của hầu hết đồng bào dân tộc ít người nền phát huy thế mạnh kinh tế sẽ góp phần cải thiện đời sống người dân, củng cố an ninh quốc phòng của vùng.

**Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS khai thác thông tin trong mục kết hợp tư liệu do GV cung cấp, thảo luận và trả lời *Phiếu học tập số 1 và 2.*

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS trong quá trình thảo luận.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận**

- GV mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày nội dung tìm hiểu trong *Phiếu học tập số 1 và 2.*

*-* GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời câu hỏi mở rộng*.*

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, kết luận về *Đặc điểm điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên.*

- GV chuyển sang nhiệm vụ mới.

**Hoạt động 3: Đặc điểm dân cư và chất lượng cuộc sống (30 phút)**

**a. Mục tiêu:** Nhận xét được đặc điểm nổi bật về thành phần dân tộc, phân bố dân cư và chất lượng cuộc sống dân cư.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi, khai thác Bảng11.2 và thông tin mục 3 SGK tr.152 – tr.153 và trả lời câu hỏi:

*+ Cho biết đặc điểm nổi bật về phân bố dân cư, thành phần dân tộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.*

*+ Nhận xét chất lượng cuộc sống dân cư vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.*

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về đặc điểm dân cư và chất lượng cuộc sống của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**3. Đặc điểm dân cư và chất lượng cuộc sống**

***a. Đặc điểm dân cư***

*Phân bố dân cư:*

- Số dân: 12,9 triệu người

- Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của vùng là 1,05%.

*Thành phần dân tộc:*

- Địa bàn sinh sống của dân tộc như Kinh, Thái, Mường, Dao, HMông, Tày, Nùng…

- Dân tộc thiểu số chiếm hơn 50% tổng số dân toàn vùng.

- Phân bố dân tộc theo xu hướng đan xen.

- Các dân tộc có truyền thống văn hóa đặc sắc, đoàn kết xây dựng và phát triển kinh tế.

*b) Phân bố dân cư*

- Mật độ dân số vùng thấp hơn so với trung bình cả nước.

- Phân bố dân cư có sự khác nhau:

+ Đông Bắc dân cư đông đúc hơn Tây Bắc.

+ Các tỉnh khu vực trung du đông đúc hơn các tỉnh khu vực miền núi.

+ Dân cư sinh sống chủ yếu ở nông thôn

***c. Chất lượng cuộc sống***

- Chất lượng cuộc sống dân cư ngày càng được nâng cao.

- Trình độ dân trí được nâng lên.

- Nguyên nhân: do thành tựu công cuộc Đổi mới và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV trình chiếu hình ảnh và dẫn dắt:

*+ Vùng phân bố dân cư thưa thớt, thành phần dân tộc đa dạng.*

*+ Hiện nay hoạt động kinh tế phát triển, chất lượng cuộc sống người dân được cải thiện.*

|  |  |
| --- | --- |
| Trung du, miền núi Bắc Bộ - Điểm đến - Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam | Quảng bá du lịch văn hóa Vùng trung du, miền núi Bắc Bộ với du khách quốc  tế qua content marketing – Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch (ITDR) |

- GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi, yêu cầu dựa vào Bảng 11.2, thông tin mục 3 SGK tr.152 – tr.153 và trả lời câu hỏi:

***Bảng 11.2. Một số chỉ tiêu về chất lượng cuộc sống dân cư ở vùng Trung du và***

***miền núi Bắc Bộ, giai đoạn 2010 - 2021***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Năm 2010** | **Năm 2021** |
| Tỉ lệ hộ nghèo (%) | 29,4 | 13,4 |
| Thu nhập bình quân đầu người/ tháng theo giá hiện hành (triệu đồng) | 0,9 | 2,8 |
| Tuổi thọ trung bình (tuổi) | 70,0 | 71,2 |
| Tỉ lệ người biết chữ (%) | 88,3 | 90,6 |

*(Nguồn: Tổng cục Thống kê, năm 2011, 2012 và 2022)*

*+ Cho biết đặc điểm nổi bật về phân bố dân cư, thành phần dân tộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.*

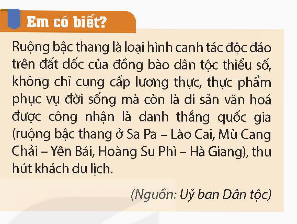
*+ Nhận xét chất lượng cuộc sống dân cư vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.*

- GV trình chiếu cho HS xem một số video về vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ:

<https://youtu.be/RGuJPQmMQQg?si=WR0GePYZbnGo4QG4>

<https://youtu.be/luyllFbQ8LI?si=KuEgDLO3VRe2PNLu>

- GV hướng dẫn HS đọc mục *Em có biết* SGK tr.153 về *ruộng bậc thang:*

**

**Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS khai thác thông tin trong mục kết hợp tư liệu do GV cung cấp, thảo luận và trả lời câu hỏi.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS trong quá trình thảo luận.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận**

- GV mời các cặp đôi trình bày nội dung tìm hiểu.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, kết luận về *Đặc điểm dân cư và chất lượng cuộc sống*

- GV chuyển sang nhiệm vụ mới.

**Hoạt động 4: Sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế (40 phút)**

**a. Mục tiêu:** Trình bày sự phát triển và phân bố một trong các ngành kinh tế của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS chia thành 6 nhóm, khai thác bảng 11.3 – Bảng 11.5, Hình 11.2 và thông tin mục 4 SGK tr.154 – tr.157 và hoàn thành câu trả lời: *Trình bày sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp, dịch vụ.*

**c. Sản phẩm:** HS trả lời câu hỏi của GV.

**4. Sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế**

*a) Nông nghiệp, lâm nghiệp*

*- Nông nghiệp:*

*+* Trồng trọt: vùng chuyên canh cây công nghiệp, cơ cấu đa dạng trong đó có cây chè, cà phê, dược liệu, ăn quả.

* Lúa: Mường Thanh (Điện Biên), Mường Lò (Yên Bái)…
* Chè: Thái Nguyên, Phú Thọ….
* Cây ăn quả: Bắc Giang (vải), Sơn La (nhãn, xoài, mận)…

+ Chăn nuôi: phát triển theo hình thức trang trại. Bò sữa phát triển mạnh.

*- Lâm nghiệp:*

*+ Khai thác và chế biến gỗ và lâm sản:*

* Sản lượng gỗ khai thác ngày càng tăng.
* Các lâm sản khác được khai thác nhiêu tăng thu nhập.

*+ Trồng rừng, khoanh nuôi và bảo vệ rừng:*

* Diện tích trồng rừng đtạ 1,5 triệu ha (năm 2021).
* Công tác khoanh nuôi, bảo vệ được tiến hành ở vườn quốc gia Hoàng Liên, Xuân Sơn, Ba Bể…

*- Thủy sản:* Khai thác và nuôi trồng thủy sản trên sông hồ phát triển.

***b) Công nghiệp***

***-*** *Công nghiệp sản xuất điện*

*+* Có tiềm năng phát triển thủy điện trên sông Đà, sông Chảy…

+ Các nhà máy thủy điện lớn như: Sơn La, Hòa Bình, Lai Châu…

+ Cung cấp điện năng và phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

+ Phát triển một số nhà máy nhiệt điện than: Sơn Động, Bắc Giang,…

***-*** *Công nghiệp khai khoáng*

+ Có nhiều khoáng sản thuận lợi phát triển công nghiệp khai khoáng.

+ Các cơ sở khai khoáng như a – pa – tít, than đá, đá vôi xi măng…

*- Công nghiệp sản xuất chế biến thực phẩm:*

+ Gồm chế biến sữa, chế biến hoa quả…

+ Phát triển mạnh ở Phú Thọ, Sơn La, Thái Nguyên…

*- Công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính, dệt và sản xuất trang phục:*

+ Phát triển nhanh tại Thái Nguyên, Bắc Giang…

***c) Dịch vụ***

*- Du lịch:*

+ Điều kiện phát triển dựa vào tài nguyên tự nhiên và văn hóa.

+ Một số địa điểm du lịch văn hóa: Đền Hùng, Điện Biên Phủ, Pác Pó…

+ Một số địa điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng: Sa Pa, Ba Bể,…

***-*** *Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu*

*+* Nội thương phát triển với nhiều hình thức, mạnh lưới phân phối hàng hóa, chợ điểm mua bán, siêu thị.

+ Ngoại thương chú trọng khai thác thế mạnh kinh tế cửa khẩu.

- *Giao thông vận tải:*

+ Các tuyến đường được nâng cao, xây dựng tạo động lực phát triển kinh tế.

+ Hiện đại hóa các phương tiện vận tải.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV trình chiếu hình ảnh và dẫn dắt:

*+ Vùng có thế mạnh về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên để phát triển nông nghiệp và lâm nghiệp.*

*+ Trong những năm qua, ngành công nghiệp của vùng tăng trưởng nhanh chóng do thu hút đầu tư, đổi mới công nghệ. Cơ cấu ngành đa dạng phù hợp đặc trung của vùng.*

*+ Ngành dịch vụ của vùng khá đa dạng, Trong đó, du lịch và xuất khẩu, nhập khẩu là là hoạt động nổi bật.*

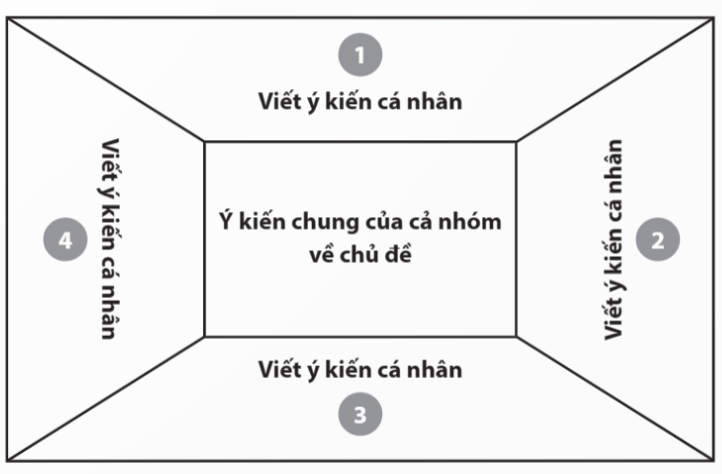
|  |  |
| --- | --- |
| Cần đẩy mạnh tiềm năng phát triển vùng trung du và miền núi phía Bắc | Trung du và miền núi Bắc bộ: Hạ tầng là động lực phát triển kinh tế |
| Tour Du Lịch Trung Du Miền Núi Bắc Bộ: Khám Phá Vẻ Đẹp Tự Nhiên | Sa Pa – từ vùng đất giàu tiềm năng đến “Điểm du lịch văn hoá hàng đầu thế  giới” |

- GV chia HS cả lớp thành 6 nhóm.

- GV giao nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm: *Khai thác Bảng 11.3 – 11.5, Hình 11.2 và thông tin mục 4 SGK tr.154 – tr.157 và trả lời câu hỏi theo kĩ thuật “Khăn trải bàn”*

- GV hướng dẫn các nhóm làm việc theo kĩ thuật “Khăn trải bàn”:

*+ HS ngồi vào vị trí đã đánh số trên giấy A4. Mỗi cá nhân làm việc độc lập trong thời gian 3 phút, ghi lại câu trả lời vào phần giấy của mình.*



+ *Trên cơ sở ý kiến cá nhân, nhóm trưởng sẽ thảo luận, thống nhất ý kiến và viết vào phần chính giữa tấm khăn trải bàn trong thời gian 5 phút.*

***+ Nhóm 1 + 2:*** Tìm hiểu sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

***+ Nhóm 3 + 4:*** Tìm hiểu sự phát triển và phân bố công nghiệp của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

*+* ***Nhóm 5 + 6:*** Tìm hiểu về các ngành dịch vụ nổi bật của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS khai thác thông tin trong mục kết hợp tư liệu do GV cung cấp, thảo luận và tìm hiểu nội dung.

*+ Giai đoạn 1:* HS làm việc độc lập, ghi phần trình bày của mình vào phần cạnh của A0.

*+ Giai đoạn 2:* HS thảo luận nhóm, tìm ra ý tưởng chung và viết vào phần chính giữa tờ A0.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS trong quá trình thảo luận.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận**

- GV mời đại diện 1 – 2 nhóm trả lời câu hỏi.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, kết luận về *Sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế*

- GV chuyển sang nhiệm vụ mới.

**3. Hoạt động 3: Luyện tập** *[10 phút]*

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS củng cố kiến thức đã học về *Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.*

**b. Nội dung:**

**-** GV cho HS làm Phiếu bài tập trắc nghiệm về *Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.*

- GV cho HS trả lời câu hỏi bài tập phần Luyện tập SGK tr.157.

**c. Sản phẩm:** Đáp án của HS và chuẩn kiến thức của GV.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***Nhiệm vụ 1. Trả lời câu hỏi trắc nghiệm***

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV tổ chức cho HS làm *Phiếu bài tập*, trả lời nhanh một số câu hỏi trắc nghiệm tổng kết bài học *Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.*

- GV phát Phiếu bài tập cho HS cả lớp thực hiện trong thời gian 10 phút:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU BÀI TẬP ĐỊA LÍ 9 – KẾT NỐI TRI THỨC**  **BÀI 11: VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ**  *Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:*  **Câu 1:** Tên gọi khác của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là  A. Cao nguyên phía Bắc. B. Trung du và miền núi phía Bắc.  C. Trung du và miền núi phía Nam. D. Đồng bằng sông Cửu Long.  **Câu 2:** Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có diện tích hơn   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | A. 100 nghìn km2. | B. 95 nghìn km2. | C. 15 nghìn km2. | D. 80 nghìn km2. |   **Câu 3:** Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có bao nhiêu tỉnh?   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | A. 24 tỉnh. | B. 64 tỉnh. | C. 14 tỉnh. | D. 54 tỉnh. |   **Câu 4:** Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ được chia thành hai tiểu vùng là   |  |  | | --- | --- | | A. Đông Nam và Tây Bắc. | B. Đông Bắc và Tây Nguyên. | | C. Đông Nam và Tây Nam. | D. Đông Bắc và Tây Bắc. |   D. số dân thưa, cơ cấu dân số trẻ.  **Câu 5:** Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ **không** tiếp giáp với  A. Đồng bằng sông Hồng. B. Thái Lan, Cam-pu-chia.  C. Bắc Trung Bộ. D. các nước Trung Quốc, Lào.  **Câu 6:** Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có ý nghĩa quan trọng đối với   1. đảm bảo an ninh quốc phòng của đất nước.   B. phát triển đối ngoại.  C. phát triển kinh tế hàng không.  D. tạo điều kiện giao lưu văn hóa - xã hội với các nước láng giềng.  **Câu 7:** Đỉnh Phan-xi-păng cao bao nhiêu mét?   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | A. 3 243m. | B. 3 147m. | C. 3 343m. | D. 3 445m. |   **Câu 8:** Quan sát Bản đồ tự nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ và cho biết trữ lượng lớn a-pa-tít, đồng tập trung ở   |  |  | | --- | --- | | A. Hòa Bình. | B. Thái Nguyên. | | C. Đồng Văn. | D. Lào Cai. |   **Câu 9:** Trong số các tỉnh dưới đây, tỉnh nào nằm ở Tây Bắc?   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | A. Lạng Sơn. | B. Quảng Ninh. | C. Hòa Bình. | D. Phú Thọ. |   **Câu 10:** Về mùa đông, khu vực Đông Bắc lạnh hơn Tây Bắc là do   |  |  | | --- | --- | | A. Gió mùa, địa hình. | B. Thảm thực vật, gió mùa. | | C. Núi cao, nhiều sông. | D. Vị trí ven biển và đất. | |

**Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành *Phiếu bài tập.*

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận**

- GV mời đại diện 1 – 2 HS lần lượt đọc đáp án đúng.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, đọc đáp án khác (nếu có).

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| **Đáp án** | **B** | **B** | **C** | **D** | **B** |
| **Câu hỏi** | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| **Đáp án** | **A** | **B** | **D** | **C** | **A** |

- GV chuyển sang nội dung mới.

***Nhiệm vụ 2. Trả lời câu hỏi bài tập - phần Luyện tập SGK tr.157.***

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ: *Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện các thế mạnh về tự nhiên để phát triển kinh tế - xã hội của vùng Trung du và miền núi Bắc bộ.*

**Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiêm vụ học tập**

- HS vận dụng kiến thức đã học thực hiện vẽ sơ đồ.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

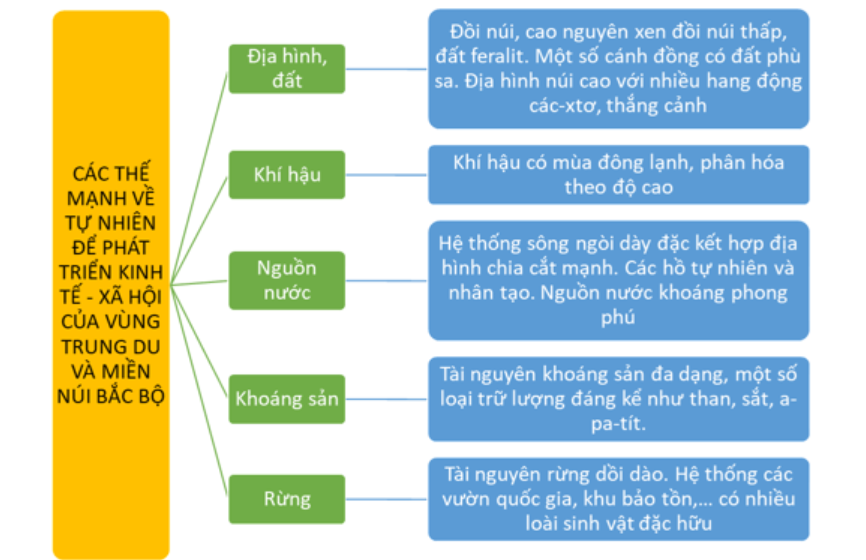
**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận**

- GV mời đại diện một số HS trình bày nội dung bài tập.

- GV yêu cầu các HS khác quan sát, nhận xét, nêu ý kiến khác (nếu có).

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, kết luận:



- GV chuyển sang nội dung mới.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng** *[5 phút]*

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:

- Củng cố kiến thức đã học về *Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.*

- Liên hệ, vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập phần Vận dụng SGK tr.157.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời bài tập phần Vận dụng.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ: *Tìm hiểu và giới thiệu với bạn một địa điểm du lịch nổi tiếng của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.*

**Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**

HS vận dụng kiến thức đã học, sưu tầm thêm thông tin trên sách, báo, internet để hoàn thành nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận**

HS báo cáo sản phẩm vào tiết học sau.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

GV nhận xét, đánh giá, kết thúc tiết học.

**HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn lại kiến thức đã học:

*+ Vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ*

*+ Đặc điểm điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên*

*+ Đặc điểm dân cư và chất lượng cuộc sống*

*+ Sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế.*

- Hoàn thành bài tập phần Vận dụng SGK tr.157.

- Làm bài tập Bài 11 – SBT *Lịch sử và Địa lí 9 – Kết nối tri thức, phần Địa lí.*

- Đọc và tìm hiểu trước nội dung *Bài* *12: Vùng đồng bằng sông Hồng.*